TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
§éc lËp - Tù do - H¹nh Phóc

Bản án số: 12 /2022/ HNGĐ-ST
Ngày: 26-8-2022.
V/v: "Kiện xin ly hôn và tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thùy Hương và bà Nguyễn Thị Hải;

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hàn, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án Nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 18/2022/TLST- HNGĐ , ngày 04 tháng 5 năm 2022, về việc xin ly hôn và tranh chấp nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Anh Lưu Trường N, sinh năm 1989.
Trú tại: Đội 5, thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Q. Có đơn xin vắng mặt.
-Bị đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1994.
Trú tại: Đội 5, thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Q. Vắng mặt không có lý do.
-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Huyền T, sinh năm 1994.
Địa chỉ: số 40 P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Q. Có đơn xin vắng mặt.
Giấy chứng nhận kết hôn số: 38/2012/2013, ngày 20/7/2012 của UBND phường Q, thị xã B, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Lưu Trường N trình bày:

Chị B và anh N kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban Nhân dân phường Q, thị xã B, tỉnh Q vào ngày 20 tháng 7 năm 2012; sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì

anh N và chị B khác biệt về quan điểm sống, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng không thể khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện tình cảm không còn, không thể hàn gắn được nên anh N xin ly hôn chị B.

Hai vợ chồng có ba con chung là Lưu Quốc V, sinh ngày 17/12/2012; Lưu Thị Hoài T, sinh ngày 05/11/2015 và Lưu Thị Hoài V, sinh ngày 28/9/2018.Anh N xin được nuôi hai con Lưu Quốc V và Lưu Thị Hoài T; nhất trí giao cho chị B nuôi con Lưu Thị Hoài V, anh N không yêu cầu chị Bé đóng góp phí tổn nuôi con. Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai chị B trình bày: Chị B và anh N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, ngày 20/7/2012. Sau khi kết hôn hai anh, chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẩn. Nay anh N xin ly hôn chị B không nhất trí mà mong muốn đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành. Hai vợ chồng có ba con chung là Lưu Quốc V, sinh ngày 17/12/2012; Lưu Thị Hoài T, sinh ngày 05/11/2015 và Lưu Thị Hoài V, sinh ngày 28/9/2018. Nếu trường hợp phải ly hôn chị B xin được nuôi con Lưu Thị Hoài V, yêu cầu anh N đóng góp phí tổn nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con trưởng thành vì chị B sức khỏe yếu, hay đau ốm, điều kiện kinh tế khó khăn, giao các con Lưu Quốc V và Lưu Thị Hoài T cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Vì muốn đoàn tụ nên chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung Lưu Quốc V có đơn xin cùng với em Lưu Thị Hoài T được ở với bố (anh N).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Tranh chấp phát sinh giữa anh Lưu Trường N và chị Nguyễn Thị B là tranh chấp ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp trên thuộc thẩm quyền của Tòa án Nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi làm đơn khởi kiện, anh N đã nộp tiền tạm ứng án phí và giao nộp những tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch đã thụ lý đơn khởi kiện. Anh N đã làm bản tự khai, đơn yêu cầu xin vắng mặt, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh N, có tại hồ sơ vụ án. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và anh N đã làm đầy đủ các thủ tục tố tụng anh N đi làm ăn ở nước ngoài. Do vậy,Tòa án Nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Chị B thừa nhận đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng mà Tòa án đã gửi cho chị B và chị B đã có lời khai có trong hồ sơ vụ án. Phiên tòa lần thứ nhất chị B vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã hoãn phiên tòa, tại phiên tòa lần hai chị B vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ vào điểm a,b khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều

228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Chị B và N kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân phường Q, thị xã B, tỉnh Q vào ngày 20/7/2012; đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, tình cảm không thể hàn gắn được. Hiện nay anh N đang đi làm ăn ở nước ngoài, chị B một mình nuôi ba con, đang sống trong ngôi nhà của vợ chồng, chị B mong muốn đoàn tụ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ, chồng chưa đến mức trầm trọng, có thể hàn gắn được; cần có thời gian và điều kiện để anh N và chị B hàn gắn tình cảm, khắc phục cách xử sự và cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành; chị B muốn đoàn tụ để trực tiếp có điều kiện nuôi dạy con cái , ổn định cuộc sống và học tập của các con; anh N đang ở nước ngoài không thể giao con cho anh N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con được. Do vậy, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nam, anh N và chị B vẫn là vợ chồng là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của anh N và chị B là có căn cứ.

[3].Về con chung: Hai vợ chồng có ba con chung là Lưu Quốc V, sinh ngày 17/12/2012; Lưu Thị Hoài T, sinh ngày 05/11/2015 và Lưu Thị Hoài V, sinh ngày 28/9/2018 (cả ba con nay đang sống cùng chị B). Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N, anh N và chị B vẫn là vợ chồng nên không xem xét đến vấn đề con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N, nên không xét.

[5]. Về án phí: Anh N chịu nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung công quỹ Nhà nước.

[6].Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Trường N, anh Lưu Trường N và chị Nguyễn Thị B vẫn là vợ chồng.

2. Về con chung: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N, anh N và chị B vẫn là vợ chồng nên không xét đến vấn đề con chung.

3.Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N, nên không xét.

4. Về án phí: Anh Lưu Trường N chịu nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh N đã nộp theo Biên lai số 0003220 ngày 01 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch. Như vậy, anh N đã nộp đủ án phí.

5.Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Quảng Bình;
-VKSND huyện Bố Trạch(2)
-Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
-Chị Nguyễn Thị B;
-Anh Lưu Trường N;
-Bà Phạm Thị Huyền T;
-Lưu hồ sơ, vpTòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬSƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân